

**TÒA ÁN ND HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HS-ST

Ngày 03-6-2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đại Long

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Trần Xuân Anh và Ông: Nguyễn Bá Long

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đào Hải Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 77/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-HS ngày 19/ 02/ 2020, đối với các bị cáo;

1. Trần Văn T sinh năm 1987 sinh tại huyện C, tỉnh A; nơi cư trú: Xóm 5, xã L, huyện C, tỉnh A; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn L sinh năm 1954 và bà Trần Thị Th sinh năm 1959; vợ: Hoàng Thị H sinh năm 1987; con: Có 01 sinh năm 2008; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Án tích tại bản án số 85/2007/HSST, ngày 24/4/2007 của Tòa án nhân dân huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 3 năm tù về tội “Vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”; tại bản số 126/2013/HSST ngày 06/5/2013 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 3 năm tù “Trộm cắp tài sản”. Ngày 08/6/2015 bị Công an phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt hành chính về hành vi “xử dụng rượu bia gây mất trật tự công cộng” đã được xóa; bị bắt tạm giữ từ ngày 27/6/2019; tạm giam từ ngày 06/7/2019 (có mặt tại phiên tòa).

2. Trần Hữu Ph sinh năm 1977; sinh tại huyện S tỉnh H; nơi cư trú: Thôn Th, xã N, huyện S, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Hữu Á sinh năm 1952 và bà Hoàng Thị B sinh năm 1955; vợ Ngô Thị D, sinh năm 1983 (ly thân); con: Hai con lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2006; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 08/3/2019, bị Công an huyện Triệu Sơn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Xâm hại sức khỏe của người khác”; về nhân thân: Án tích tại bản án số 28/2000/HSST ngày 10 tháng 3 năm 2000 bị TAND tỉnh Thanh Hóa, xử phạt 8 năm tù về tội “Lưu hành tiền giả”; Ngày 19/9/2012 bị Công an huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, ngày 19/5/2013 ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can; ngày 12/12/2014 bị Công an thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can về tội “Hiếp dâm”, ngày 01/9/2015, Tòa án nhân dân thị xã Thuận An ra quyết định đình chỉ vụ án; hiện đang bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Thanh Hóa theo bản án số 67/2019/HS-ST ngày 25/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” bị xử phạt 20 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/6/2019 (có mặt tại phiên tòa).

3. Nguyễn Quán B sinh năm 1989; sinh tại huyện S tỉnh H; nơi cư trú: Khu phố S, thị trấn Th, huyện S, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Quán S (đã chết) và bà Hồ Thị Th sinh năm 1961; vợ Nguyễn Thị D, sinh năm 1994 (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2014; tiền án: Tại bản án số 09/2015/HSST ngày 09/06/2015 của Tòa án huyện Đông Sơn xử phạt 10.000.000đ về tội “Đánh bạc”, chưa chấp hành; tiền sự: Không; hiện đang bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Thanh Hóa theo bản án số 23/2019/HSST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” bị xử phạt 33 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/7/2019 (có mặt tại phiên tòa).

*Bị hại: Anh Đào Công T - Sinh năm 1984 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 2, xã N, huyện S, tỉnh H.

*Người làm chứng:

Anh Trần Anh Đ - Sinh năm 1997 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Th, xã N, huyện S- tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ, ngày 19/06/2019, Trần Hữu Ph sinh năm 1977, ở thôn T, xã N, huyện S, tỉnh H lấy xe Wave của con trai là Trần Anh Đ chở Trần Văn T, sinh năm 1987 ở xã L, huyện C, tỉnh A là bạn đi chơi. Trên đường về, theo lời khai có trong hồ sơ thì T nhìn thấy xe máy Wave an pha màu xanh, đen, bạc BKS 36B3-708.35 của gia đình anh Đào Công T, sinh năm 1984 ở thôn 2, xã N dựng trước nhà bên cạnh, đầu xe quay vào trong, chìa khóa vẫn cắm ở ổ điện nên bảo với Ph “quay lại lấy trộm chiếc xe máy”; tại phiên tòa hôm nay Tịch khai là “bảo Phương quay xe lại uống bia” và Phương điều khiển xe máy quay lại cách vị trí xe máy BKS 36B3-708.35 khoảng 5 m thì dừng lại rồi đi về nhà không vào uống bia, T thì xuống xe đi bộ lại rồi thấy chiếc xe máy nên vào bật khóa điện, quay đầu xe máy, dắt ra ngoài, nổ máy và điều khiển xe máy đi theo đường H xuống quán cafe H ở L chờ Ph. Trên đường về nhà thì Ph gọi điện thoại cho Nguyễn Quán B, sinh năm 1989 ở khu phố S, thị trấn rừng T, huyện S hỏi “em đang ở đâu”, B trả lời “em đang ở H”, Ph nói “đợi tí anh xuống có tí việc”. Khoảng 5 đến 10 phút sau Ph cùng con trai đến quán cafe H. Ph đến quán thì B ra gặp Ph và cả hai ra ngoài trao đổi về việc có chiếc xe máy của T muốn bán. Thấy Ph nói chuyện với B, T trong chòi lá của quán đi ra, thì Ph bảo T lấy xe máy đi ra cùng B, còn Ph và con trai đi về. T dùng xe trộm cắp được chở B đến đường tỉnh lộ 515 đoạn vắng người thuộc thôn H, xã H, huyện S giao xe cho B và bắt xe taxi về nhà Ph. Sau khi nhận xe của T thì B điều khiển xe máy đến nhờ anh Lê Thành L sinh năm 1981 ở số nhà 180, phố T, xã L, huyện S chuyển 3.000.000đ vào tài khoản của Ph rồi về nhà nghỉ 2 ở xã H, huyện S ngủ. T về đến nhà thì Ph bảo với T là B đã chuyển 3.000.000đ, rồi đưa thẻ cho T đi rút tiền, T lên cây ATM gần ngã tư G rút số tiền 2.000.000đ rồi về trả thẻ cho Ph và đưa cho Ph 500.000đ tiền ăn ở nhà Ph, số tiền còn lại T đã tiêu sài cá nhân hết. Sau đó bị cáo đã ra đầu thú ở Cơ quan Công an huyện Triệu Sơn.

Đối với Nguyễn Quán B, sau khi mua xe của Ph và T đã tháo biển kiểm soát bỏ vào cốp xe máy và dùng làm phương tiện đi lại. Chiều tối ngày 26/6/2019 Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe.

Ngày 12/08/2019 đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Đào Công T, anh T không có ý kiến gì và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 04/07/2019 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Triệu Sơn kết luận: Xe máy Wave an pha màu xanh, đen, bạc BKS 36B3-708.35, có số khung DY271491, số máy 12E5271644, đã qua sử dụng trị giá 9.500.000 đ (chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 12/08/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Triệu Sơn đã trả lại Xe máy Wave an pha màu xanh, đen, bạc BKS 36B3-708.35, có số khung DY271491, số máy 12E5271644 cho Tùng và bị hại anh Đào Công Tùng không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường và không yêu cầu gì thêm.

Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, sau khi xét hỏi và tranh luận, bị cáo Trần Văn T và Nguyễn Quán B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng. Còn Trần Hữu Ph không thừa nhận hành vi của mình.

Cáo trạng số: 03/CT-VKS ngày 26/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Trần Văn T, Trần Hữu Ph về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Nguyễn Quán B về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên các bị cáo: Trần Văn T; Trần Hữu Ph về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại Điều 173 BLHS; Nguyễn Quán B về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, quy định tại Điều 323 BLHS.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58 BLHS đối với Trần Văn T, tuyên phạt tù 18 đến 24 tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 27/6/2019.

Khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 56 BLHS đối với Trần Hữu Ph, tuyên phạt tù 18 đến 24 tháng tù, tổng hợp với 20 tháng tù trong bản án số 25/2019/HS-ST ngày 25/12/2019 của Tòa án huyện Triệu Sơn buộc bị cáo Trần Hữu Ph phải chấp hành hình phạt chung của bản án là 28 đến 44 tháng tù, thời hạn chấp hành án tính từ ngày 28/6/2019.

Khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 56 BLHS đối với Nguyễn Quán B, tuyên phạt từ 15 đến 18 tháng tù. Tổng hợp với phần hình phạt 33 tháng tù trong bản án số 23/2019/HS-ST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của bản án là 48 đến 51 tháng tù, thời hạn chấp hành án tính từ ngày 19/7/2019.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo do điều kiện gia đình khó khăn, không có công ăn việc làm ổn định.

Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 3.000.000đ là số tiền T, Ph bán xe trộm cắp cho Bắc, trong đó truy thu từ T 1.500.000đ; Ph 1.500.000đ.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

1. Bị cáo Tvà B: Hai Bị cáo biết việc làm của mình là sai trái mong HĐXX cho bị cáo mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.
2. Bị cáo Ph: Bị cáo bị oan xin HĐXX điều tra lại, bị cáo không phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Hành vi của các bị cáo là khoảng 19 giờ, ngày 19/06/2019, Trần Hữu Ph lấy xe Wave của con trai là Trần Anh Đ chở Trần Văn T là bạn đi chơi. Trên đường về, theo lời khai của T tại cơ quan điều tra thì T nhìn thấy xe máy Wave an pha màu xanh, đen, bạc BKS 36B3-708.35 của gia đình anh Đào Công T dựng trước nhà bên cạnh, đầu xe quay vào trong, chìa khóa vẫn cắm ở ổ điện nên bảo với Ph quay lại lấy trộm chiếc xe máy. Ph điều khiển xe máy quay lại cách vị trí xe máy BKS 36B3-708.35 khoảng 5 m thì dừng lại, rồi đi về nhà, còn T xuống xe

đi bộ vào bật khóa điện, quay đầu xe máy, dắt ra ngoài, nổ máy và điều khiển xe máy đi theo đường H xuống quán cafe H ở L chờ Ph.

Trên đường về Ph gọi điện thoại cho Nguyễn Quán B hỏi “em đang ở đâu”, Bắc trả lời “em đang ở H”, Ph nói “đợi tí anh xuống có tí việc”. Khoảng 5 đến 10 phút sau Ph cùng con trai đến quán cafe H. Ph vào đến quán thì B đi ra gặp Ph và cả hai ra ngoài trao đổi về việc T có chiếc xe máy muốn bán. Thấy Ph nói chuyện với B, T trong chòi lá của quán đi ra, thì Ph bảo T lấy xe máy ra đi cùng B, còn Ph cùng con trai đi về.

T dùng xe trộm cắp được chở Bắc đến đường tỉnh lộ 515 đoạn vắng người thuộc thôn H, xã H1, huyện S giao xe cho B và bắt xe taxi về nhà Ph. Sau khi nhận xe của T thì B điều khiển xe máy đến nhờ anh Lê Thành L chuyển 3.000.000đ vào tài khoản của Ph rồi về nhà nghỉ 2 ở xã H, huyện S ngủ. T về nhà Ph thì Ph bảo B đã chuyển 3.000.000đ nên đưa thẻ cho T đi rút tiền. T lên cây ATM gần ngã tư G rút số tiền 2.000.000đ rồi về trả thẻ cho Ph và đưa cho Ph 500.000đ tiền ăn ở nhà Ph, số tiền còn lại T đã tiêu sài cá nhân hết.

Nguyễn Quán B, khi mua xe thì biết xe không có giấy tờ, vì ham rẻ, biết xe không hợp pháp nên sau khi mua xe của Ph và T đã tháo biển kiểm soát bỏ vào cốp xe máy và dùng làm phương tiện đi lại. Chiều tối ngày 26/6/2019 Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe.

Hành vi của Trần Hữu Ph là trước khi đi thì không có bàn bạc với T đi trộm cắp tài sản, không có cảnh giới giúp cho T trộm cắp xe máy, việc Ph quay xe lại là để giúp T trộm cắp là chưa đủ căn cứ, nhưng Ph phải biết rõ T đã trộm cắp được chiếc máy và giúp cho T bán xe máy đã trộm cắp được cho B, giúp T thanh toán tiền qua thẻ ATM nên Ph đồng phạm trong tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” với vai trò là giúp sức.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 04/07/2019 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Triệu Sơn kết luận: Xe máy Wave an pha màu xanh, đen, bạc BKS 36B3-708.35, có số khung DY271491, số máy 12E5271644, đã qua sử dụng trị giá 9.500.000 đ (chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Hành vi của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, giấy báo cáo của bị hại, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Như vậy Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nguyễn Quán B và Trần Hữu Ph phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Vụ án thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, tính chất và mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo: Tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn, nhưng ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội và trên địa bàn, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân; các bị cáo nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm nên phạm tội do lỗi cố ý trực tiếp. Về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự đây là đồng phạm giản đơn, vai trò của bị cáo Nguyễn Quán B là người trực tiếp mua xe máy nên xếp thứ nhất còn Trần Văn T là người giúp sức nên xếp vai trò thứ hai.

Động cơ và mục đích của bị cáo T là muốn có tiền tiêu dùng cá nhân nhưng không chịu khó lao động nên đi trộm cắp tài sản. Còn bị cáo B muốn có xe rẻ nên mua xe trộm cắp để đi lại. Bị cáo Ph giúp cho bị cáo T bán xe máy trộm cắp được.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tiền sự; còn tiền án thì đối với bị cáo Nguyễn Quán B có một bản án số 09/2015/HS-ST ngày 09/06/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn xử phạt 10.000.000đ về tội “Đánh bạc”, chưa chấp hành nên có một tiền án là tái phạm; các bị cáo khác thì không có tiền án, các bị cáo đều có nhân thân xấu nên cần phải xử phạt tù các bị cáo, nhằm giáo dục, cải tạo người phạm tội trở thành người tốt. Nhưng khi lượng hình phạt cũng cần xem xét giảm hình phạt cho các bị cáo, vì tại phiên tòa hôm nay bị cáo B và T đã thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo T hưởng thêm tình tiết đầu thú theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo T trộm cắp tài sản mục đích là để tiêu sài cá nhân; các bị cáo khác đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn; không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về bồi thường thiệt hại: Anh Đào Công T đã nhận lại xe máy và không yêu cầu gì thêm đây là dân sự, là sự tự nguyện không trái với đạo đức xã hội và quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 3.000.000đ là số tiền T và Ph đã bán chiếc xe máy trộm cắp cho B mà có, trong đó truy thu từ T 1.500.000đ; Ph 1.500.000đ.

Ngày 12/08/2019 Công an điều tra đã trả lại cho anh Đào Công T chiếc xe máy Wave an pha màu xanh, đen, bạc BKS 36B3-708.35, có số khung DY271491, số máy 12E5271644 anh Tùng không yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Đề nghị của Viện kiểm sát: Về mức đề nghị hình phạt của Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo, là tương đối phù hợp, có căn cứ đủ để giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

[3] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Trần Văn T.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Quán B.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 56; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo Trần Hữu Ph.

Tuyên bố các bị cáo: Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Nguyễn Quán B và Trần Hữu Ph phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt các bị cáo:

1. Trần Văn T 14 (mười bốn) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 27 tháng 6 năm 2019.

2. Nguyễn Quán B 11 (mười một) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 33 tháng tù của bản án số 23/2019/HSST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 44 (bốn bốn) tháng tù; Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 19 tháng 7 năm 2019.

1. Trần Hữu Ph 9 (chín) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 20 tháng tù của bản án số 67/2019/HS-ST ngày 25/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 29 (hai chín) tháng tù; Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 28 tháng 6 năm 2019.

Về bồi thường thiệt hại: Các bên tự nguyện không yêu cầu bồi thường.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) trong đó truy thu từ Trần Văn T 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng); Truy thu từ Trần Hữu Ph 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trần Văn T, Trần Hữu Ph và Nguyễn Quán B mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày 03 tháng 06 năm 2020.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở chính quyền xã nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn;
- UBND xã An Nông, huyện Triệu Sơn;
- UBND thị trấn rừng Thông, huyện Đông Sơn
- UBND xã Thanh Long, huyện Thanh Chương
- Tỉnh Nghệ An
- Công an huyện Triệu Sơn;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đại Long

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.